

Số: 27 /TB-MNFV

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 02 năm 2026

V/v: Thông báo thay đổi thiết kế nhãn
hàng hoá của dòng sản phẩm
Sữa chua uống tiệt trùng Zinzin Kids

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên

Chúng tôi, CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM (“MNFV”), xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn sự hỗ trợ, tạo điều kiện của Quý Cơ quan với MNFV trong suốt thời gian vừa qua.

MNFV đã thực hiện tự công bố các Sản phẩm dưới đây tại Sở Công thương tỉnh Thái Nguyên theo quy định của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

STT	Tên sản phẩm	Số Tự công bố	Ngày ban hành
1	Sữa chua uống tiệt trùng Zinzin Kids hương cam	02/MORINAGA/2026	05/01/2026
2	Sữa chua uống tiệt trùng Zinzin Kids hương dâu	03/MORINAGA/2026	05/01/2026

(Sau đây gọi tắt là “Sản Phẩm”)

Căn cứ Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, MNFV xin thông báo tới Quý cơ quan về việc thay đổi một số thông tin và thiết kế trên nhãn hàng hoá của Sản Phẩm và **không làm thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo của Sản Phẩm**, cụ thể:

1. Bổ sung nhãn hiệu Morinaga trên nhãn hàng hoá



2. Bổ sung nội dung “Chuyên gia Nhật Bản Giám sát chất lượng” như sau:



3. Thay đổi cách trình bày một số thông tin trên nhãn hàng hoá

Nội dung thay đổi chi tiết theo nhãn hàng hoá tương ứng với từng Sản phẩm và Công văn số 14/CV-MNFV giải trình về các nội dung thay đổi đính kèm.

MNFV cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung của Thông Báo và đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật Việt Nam.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM**



**TỔNG GIÁM ĐỐC
KOHARA SHUNSUKE**



Thông tin sau khi thay đổi

Thông tin trước khi thay đổi

1.1. Sữa chua uống tiết trùng Zinzin Kids hương dâu



8596
 G TY
 H AN
 NAGA
 NAL PO
 NAM
 41 NGUY

Thông tin trước khi thay đổi

1.2. Sữa chua uống tiết trùng Zinzin Kids hương cam





Thông tin sau khi thay đổi



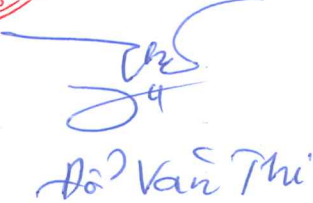
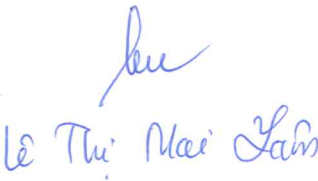


Nhãn hàng hoá của Sản phẩm "SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG ZINZIN KIDS HƯƠNG DÂU"
 (Đính kèm Thông báo số 21/TB-MNFV ký ngày 12/02/2026)

MARKETING	R&D	L&C
Trần Nguyễn Ngọc Trần	 Đỗ Văn Phi	 Lê Thị Mai Loan



Nhãn hàng hoá của Sản phẩm “SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG ZINZIN KIDS HƯƠNG DÂU”
 (Đính kèm Thông báo số 22/TB-MNFV ký ngày 12/02/2026)

MARKETING	R&D	L&C
Trâm Nguyễn Ngọc Trâm	 Đỗ Văn Thi	 Lê Thị Mai Lâm



Nhãn hàng hoá của Sản phẩm "SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG ZINZIN KIDS HƯƠNG DÂU"

(Đính kèm Thông báo số 22/TB-MNFV ký ngày 12/02/2026)

MARKETING	R&D	L&C
Trâm Nguyễn Ngọc Trâm	Đỗ Văn Thi	Lê Thị Mai Lâm



Nhãn hàng hoá của Sản phẩm "SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG ZINZIN KIDS HƯƠNG DÂU"
(Đính kèm Thông báo số 27/TB-MNFV ký ngày 12/02/2026)

MARKETING	R&D	L&C
<p>Trần Ngọc Trần</p>	<p>Đỗ Văn Thu</p>	<p>Đỗ Thị Mai Loan</p>



CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

----- ୱ ୧ ୧୦ -----

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
SỐ: 03/MORINAGA/2026

SỮA CHUA UỐNG TIỆT TRÙNG
ZINZIN KIDS HƯƠNG DÂU

THÁI NGUYÊN, 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/MORINAGA/2026

I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Điện thoại: 02083 666 669

Fax: 02083 866 474

Mã số doanh nghiệp: 4600285900

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG ZINZIN KIDS HƯƠNG DÂU

2. Thành phần:

Nước, sữa chua lên men (24%) (nước, sữa bột, dầu thực vật, men *Lactobacillus bulgaricus* và *Streptococcus thermophilus*), đường (đường kính, xirô fructose - glucose), nước ép táo cô đặc, chất ổn định (466, 440), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương dâu), chất điều chỉnh độ acid (270, 330), màu tổng hợp (124).

Sản phẩm có chứa sữa.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 8 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Đóng gói với thể tích thực: Hộp 110 ml.

(Sai số định lượng phù hợp với Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

4.2. Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được chứa trong bao bì hộp giấy, bên trong là lớp PE chuyên dùng, ghép kín, đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT của Bộ Y tế.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Morinaga Nutritional Foods Việt Nam.

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: QCVN 5-5:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men

QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 01 năm 2026



TỔNG GIÁM ĐỐC
KOHARA SHUNSUKE





SỮA CHUA UỐNG

のヨーグルト



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 110 ml sản phẩm

Hàng lượng	61,6 kcal
Chất đạm	0,78 g
Carbohydrat	13,6 g
Buđon tổng số	13,5 g
Chất béo	0,45 g
Natri	50,0 mg

Hàm lượng các chất dinh dưỡng không hợp làm đơn vị trị ghi trên nhãn.

Thành phần: Nước, sữa chua lên men (2%), nước, sữa bột, chất thực vật, men *Lactobacillus bulgaricus* và *Streptococcus thermophilus*, đường (đường kính, xitôfructose-glucose), nước ép táo có đặc, chất ổn định (465, 440), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (hương dâu), chất điều chỉnh độ acid (270, 330), màu tổng hợp (124).

Sản phẩm có chứa sữa.

Thế tích thực 110 ml

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM
Tổng代理 Morinaga Milk
Địa chỉ: Khu công nghiệp Phạm Phú Yên, phường Trung Thành, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
Hotline: 1800-888-002
Website: www.morinaga.vn
Sản xuất tại Việt Nam.

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống. Ngọn nhọn khi uống bình.

Sản phẩm cho một lần sử dụng. Hiện tượng thay đổi màu sắc và lắng đọng vụn nhỏ không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Lưu ý: Hạn sử dụng ngắn.
Mỗi ngày 2 - 3 hộp mỗi ngày.
Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi.
NSX và HSP: Xem trên bao bì sản phẩm.

Thế tích thực 110 ml



Tetra Pak®
Tetra Brik® aseptic



MIKT
Tầm
Nguyễn Ngọc Tầm

R&D
CNS
Ho Yeu Thi

L&C
6512120085
Lê Tài Mai Thanh

Nhãn Hàng Hoá của Sản Phẩm
SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG ZINZIN KIDS HƯƠNG DẦU





SỮA CHUA UỐNG

033-7111



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 110 ml sản phẩm	
Milling lượng	61,6 kcal
Chất đạm	0,78 g
Carbohydrat	13,6 g
Đường tổng số	13,5 g
Chất béo	0,45 g
NaCl	50,0 mg

Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

Thành phần: Nước, sữa chua lên men (24%) (nước, sữa bột, acid thực vật, men *Lactobacillus bulgaricus* và *Streptococcus thermophilus*), đường (đường kính, xerulose-galactose), nước ép táo có độ acid (tương đương 466, 440), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm (tương đương), chất điều chỉnh độ acid (270, 330), màu tổng hợp (12%).

Sản phẩm có chứa sữa.



Tetra Pak® Aseptic
Tetra Brik



Hàng Hoá của Sản Phẩm
SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG ZINZIN KIDS HƯƠNG DẦU

MKT
Trần Ngọc Trâm

R&D
Hà Văn Thu

L&C
801212025
Lê Thị Mai Diệp



SỮA CHUA UỐNG

の乳ヨーグルト



Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 110 ml sản phẩm

Hàm lượng	61,6	Kcal
Chất đạm	0,78	g
Carbohydrat	13,6	g
Đường tổng số	13,5	g
Chất béo	0,45	g
Natri	50,0	mg

Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

Thành phần: Nước, sữa chua lên men (24%), nước sả bột, dầu thực vật, men *Lactobacillus bulgaricus* và *Streptococcus thermophilus*, đường (đường kim, sô-nacose - glucose), nước ép táo có vị, chất ổn định dùng cho thực phẩm (hương dầu), chất điều chỉnh độ acid (Z70, Z30), màu tổng hợp (I24).

Sản phẩm có chứa sữa.

CÔNG TY CỔ PHẦN MORNINGA
NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM
Công ty thuộc
Tập đoàn Morninga Milk
Địa chỉ: Khu công nghiệp Hàm
Phi Yên, phường Trung Thành,
thị trấn Thuận Thành, Việt Nam.
Hotline: 1.800.888.602
Website: www.morninga.vn
Sản xuất tại Việt Nam.

Hương dầu sả được dùng trực tiếp, kể đến trước khi uống. Ngọn non sả được làm sạch kỹ lưỡng và được sấy khô để giữ hương thơm tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Hương dầu bảo quản: bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

Lưu ý: hạn dùng 2-3 hạn sử dụng. Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi. NSX và HSB: xem trên bao bì sản phẩm.



Tetra Pak
Tetra Brik Aseptic



Nhãn Hàng Hoá của Sản Phẩm
SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG ZINZIN KIDS HƯƠNG DẦU

MKT
Trần
Nguyễn Ngọc Trâm

R&D
Đỗ Văn Thi

L&C
201212025
Lê Thị Mai Loan





SỮA CHUA UỐNG

033-0711-



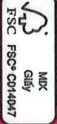
Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 110 ml sản phẩm

Khối lượng	61,6	Kcal
Chất đạm	0,78	g
Carbohydrat	13,6	g
Đường tổng số	13,5	g
Chất béo	0,45	g
Natri	50,0	mg

Hàm lượng các chất dinh dưỡng không tính trên 80% giá trị ghi trên nhãn.

Thành phần: Nước, sữa chua lên men (2%), (mức sữa bột, chất thực vật, men *Lactobacillus delbrueckii* và *Streptococcus thermophilus*), đường (đường kính, xerofucose - glucose), nước ép táo ở đặc, chất ổn định (456, 440), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm hương dâu, chất điều chỉnh độ acid (Z70, Z80), chất tổng hợp (Z41).

Sản phẩm có chứa sữa.



Thể tích thực 110 ml

CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM
Công ty thuộc Tập đoàn Morinaga Milk. Địa chỉ: Khu công nghiệp Lãm Phú Tân, Phường Lãm Phú Tân, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.
Hotline: 1800-888-602
Website: www.morinaga-vn.com.vn
Sản xuất tại Việt Nam.

Hương dân sử dụng: Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống. Ngon hơn khi uống lạnh.
Sản phẩm cho một lần sử dụng. Hiện lượng thay đổi màu sắc và lắng đọng tự nhiên không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.
Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.
Lưu ý: Chỉ dùng ngày.
Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi, MSX và HSX; xem trên bao bì sản phẩm.

8 936009 1792603
Thể tích thực 110 ml



Nhân Hàng Hoá của Sản Phẩm SỮA CHUA UỐNG TIẾT TRÙNG ZINZIN KIDS HƯƠNG DẦU

MKT
Tham
Nguyễn Ngọc Tâm

R&D
Đỗ Văn Thu

L&C
2014180025
Đỗ Thu Mai Sơn



Report N°: 0001203898

Page N° 1/7

Ho Chi Minh City, Date: December 02, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 02/12/2025

JOB NO.: 2511A-3375

Đơn hàng: 2511A-3375

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIETNAM JOINT STOCK COMPANY
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN MORINAGA NUTRITIONAL FOODS VIỆT NAM

CLIENT'S ADDRESS : NAM PHO YEN INDUSTRIAL PARK, TRUNG THANH WARD, THAI NGUYEN PROVINCE, VIETNAM
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP NAM PHỒ YÊN, PHƯỜNG TRUNG THÀNH, TỈNH THÁI NGUYÊN, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Sữa chua uống tiệt trùng Zinzin Kids Hương Dâu
Chú thích của khách hàng :

Sampling date : 09/11/2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Dairy product (approx. gr. wt. 1.2kg) in full labeled paper containers
Mô tả mẫu : Sản phẩm sữa (khoảng 1.2kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng giấy nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2511A-3375.002
Mã số mẫu :

Date sample(s) received : November 15, 2025
Ngày nhận mẫu : 15/11/2025

Testing period : November 15, 2025 - November 21, 2025
Thời gian thử nghiệm : 15/11/2025 - 21/11/2025

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0001203898

Page N° 2/7

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	<1	-	1	cfu/mL	
2. Total Coliforms <i>Coliform tổng</i>	ISO 4832:2006	<1	-	1	cfu/mL	
3. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-3:2015 ^(A)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.5	-	cfu/mL	
4. Clostridium perfringens <i>Clostridium perfringens</i>	ISO/TS 15213-3:2024 ^(A)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.4	-	cfu/mL	
5. Faecal streptococci <i>Liên cầu khuẩn đường ruột</i>	BS 4285-3.11:1985	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	-	1	cfu/mL	
6. Listeria monocytogenes <i>Listeria monocytogenes</i>	ISO 11290-2:2017	<10	-	10	cfu/g	
7. Enterobacteriaceae <i>Enterobacteriaceae</i>	ISO 21528-2:2017	<1	-	1	cfu/g	
8. Pseudomonas aeruginosa <i>Pseudomonas aeruginosa</i>	LFOD-TST-SOP-8930 ^(A)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	-	cfu/mL	
9. Staphylococcus aureus <i>Staphylococcus aureus</i>	GB 4789.10-2016 ^(A)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.7	-	cfu/mL	
10. Total Yeast and Mold <i>Tổng nấm men và nấm mốc</i>	ISO 21527-1:2008	<1	-	1	cfu/mL	
11. Aflatoxin M1 <i>Aflatoxin M1</i>	LFOD-TST-SOP-8427	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.001	0.003	µg/kg	
12. Patulin <i>Patulin</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/L	
13. Aldrin and Dieldrin (sum, expressed as dieldrin) <i>Aldrin và Dieldrin (tổng, quy về dieldrin)</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
14. DDT (sum of p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE and p,p'-TDE (DDD), expressed as DDT) <i>DDT (tổng của p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE và p,p'-TDE (DDD) quy về DDT)</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
15. Endosulfan (sum of endosulfan I, endosulfan II and endosulfan sulfate, expressed as endosulfan) <i>Endosulfan (tổng của endosulfan I, endosulfan II và endosulfan sulfate quy về endosulfan)</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
16. Aldrin <i>Aldrin</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
17. Dieldrin <i>Dieldrin</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
18. Cyfluthrin (cyfluthrin including other mixtures of constituent isomers (sum of isomers)) <i>Cyfluthrin (cyfluthrin bao gồm các hỗn hợp khác của các đồng phân cấu thành (tổng các đồng phân))</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
19. DDT, o,p'- <i>DDT, o,p'-</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
20. DDT, p,p'- <i>DDT, p,p'-</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
21. DDE, p,p'- <i>DDE, p,p'-</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
22. Diphenylamine <i>Diphenylamine</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0001	0.0003	mg/L	
23. Endosulfan I <i>Endosulfan I</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0007	0.002	mg/kg	
24. Endosulfan II <i>Endosulfan II</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0007	0.002	mg/kg	
25. Endosulfan sulfate <i>Endosulfan sulfate</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
26. TDE (DDD), p,p'- <i>TDE (DDD), p,p'-</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/kg	
27. Propargite <i>Propargite</i>	LFOD-TST-SOP-8421	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0003	0.001	mg/L	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

Report N°: 0001203898

Page N° 4/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
28. Gentamicin (sum of gentamicin C1, gentamicin C1a, gentamicin C2, and gentamicin C2a) <i>Gentamicin (tổng của gentamicin C1, gentamicin C1a, gentamicin C2, và gentamicin C2a)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
29. Streptomycin (sum of dihydrostreptomycin and streptomycin) <i>Streptomycin (tổng của dihydrostreptomycin và streptomycin)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
30. Dihydrostreptomycin <i>Dihydrostreptomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
31. Streptomycin <i>Streptomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
32. Tetracyclines (sum of CTC, OTC, TC, and theirs 4-epimer) <i>Tetracyclines (tổng của CTC, OTC, TC và đồng phân 4-epimer của chúng)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
33. Tetracyclines (sum of CTC, OTC, and TC) <i>Tetracyclines (tổng của CTC, OTC và TC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
34. Chlortetracycline (sum of CTC and CTC-4-epi) <i>Chlortetracycline (tổng của CTC và CTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
35. Chlortetracycline (CTC) <i>Chlortetracycline (CTC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.5	1.5	µg/kg	
36. Chlortetracycline-4-epi (CTC-4-epi) <i>Chlortetracycline-4-epi (CTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.5	1.5	µg/kg	
37. Oxytetracycline (sum of OTC and OTC-4-epi) <i>Oxytetracycline (tổng của OTC và OTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0001203898

Page N° 5/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
38. Oxytetracycline (OTC) <i>Oxytetracycline (OTC)</i>	CATH-LFOD-TST- SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
39. Oxytetracycline-4-epi (OTC-4-epi) <i>Oxytetracycline-4-epi (OTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST- SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
40. Tetracycline (sum of TC and TC-4-epi) <i>Tetracycline (tổng của TC và TC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST- SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
41. Tetracycline (TC) <i>Tetracycline (TC)</i>	CATH-LFOD-TST- SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
42. Tetracycline-4-epi (TC-4-epi) <i>Tetracycline-4-epi (TC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST- SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
43. Penicillin G (Benzylpenicillin/Procaine benzylpenicillin (expressed as Benzylpenicillin)) <i>Penicillin G (Benzylpenicillin/Procaine benzylpenicillin (quy về Benzylpenicillin))</i>	CATH-LFOD-TST- SOP-8044 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
44. Spiramycin (sum of Spiramycin and Neo Spiramycin expressed as Spiramycin) <i>Spiramycin (tổng của Spiramycin và Neo Spiramycin được quy về Spiramycin)</i>	CATH-LFOD-TST- SOP-8044 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
45. Neo Spiramycin <i>Neo Spiramycin</i>	CATH-LFOD-TST- SOP-8044 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	3	10	µg/kg	
46. Spiramycin <i>Spiramycin</i>	CATH-LFOD-TST- SOP-8044 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
47. Lead (Pb) <i>Chì</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.





Report N°: 0001203898

Page N° 6/7

- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.

Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) (or Not Detected at LOQ = 10 to meet some specific regulations) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested (or Not Detected per sample volume tested at LOQ = 1 to meet some specific regulations); according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) (hoặc Không phát hiện tại LOQ = 10 để phù hợp với vài luật định cụ thể) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm (hoặc Không phát hiện trên thể tích mẫu được kiểm tại LOQ = 1 để phù hợp với vài luật định cụ thể); theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.





Report N°: 0001203898

Page N° 7/7

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service. Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám đốc Ngành Sức khỏe & Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein. This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.